



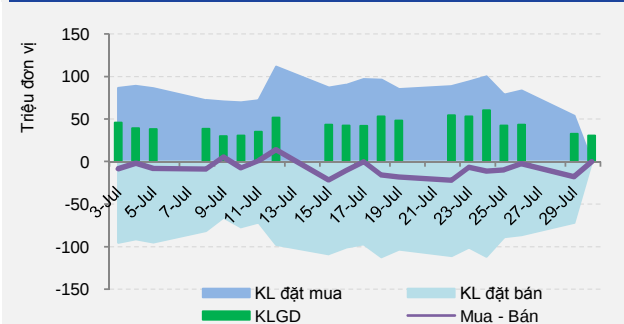
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 30/7/2013

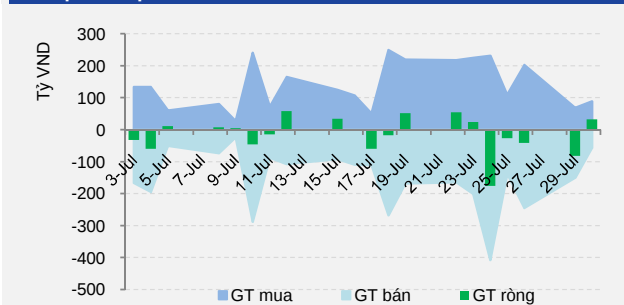
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	488.5	61.6
% Thay đổi	↑ 0.6%	↑ 1.3%
KLGD (CP)	30,658,664	10,427,392
GTGD (tỷ đồng)	670.09	91.64
Tổng cung (CP)	-	26,267,700
Tổng cầu (CP)	-	28,748,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,067,690	85,700
KL mua (CP)	2,177,380	130,300
GTmua (tỷ đồng)	88.69	1.64
GT bán (tỷ đồng)	56.71	0.65
GT ròng (tỷ đồng)	31.98	0.99

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.59%	6.9	1.4	2.8%
Công nghiệp	↑ 0.65%	23.9	1.0	12.8%
Dầu khí	↑ 1.56%	5.6	1.2	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 3.41%	10.9	1.6	2.0%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.54%	8.8	2.9	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.80%	14.6	5.0	43.9%
Ngân hàng	↑ 0.63%	7.0	1.3	4.5%
Nguyên vật liệu	↑ 1.02%	8.5	2.0	8.5%
Tài chính	↓ -0.08%	26.7	2.9	15.3%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.82%	9.6	3.4	6.9%
VN - Index	↑ 0.59%	13.8	3.0	88.3%
HNX - Index	↑ 1.35%	22.4	1.5	11.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	292,290	1.0%	114,600	0.4%
GTGD (tỷ VND)	4,716	0.7%	2,477	0.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Hai chỉ số Index tăng điểm trở lại trên hai sàn, khi VN-Index giảm qua mốc hỗ trợ kỹ thuật 490 điểm và HNX-Index giảm qua mốc hỗ trợ 61 điểm sau 4 phiên giảm điểm liên tiếp. KLGD tiếp tục giảm trên hai sàn, đặc biệt là tại sàn HNX. Dòng tiền chỉ tập trung vào một số cổ phiếu Bluechips thuộc khối sản xuất, có hoạt động SXKD khá quan đủ bởi cảnh kinh tế khó khăn. Còn lại đa số cổ phiếu chỉ tăng nhẹ với thanh khoản thấp.

Phiên tăng điểm của chỉ số Vn-Index mang tính chất hồi phục kỹ thuật, xu hướng giảm vẫn là chủ đạo trong ngắn hạn. Mức hỗ trợ gần nhất của chỉ số này là khoảng 475-480 điểm. Đối với chỉ số HNX-Index, phiên phục hồi khá mạnh với một nền tảng điểm đóng cửa cao hơn mức cao nhất của phiên trước là một tín hiệu tích cực. Tuy nhiên diễn biến tăng trong khi KLGD giảm không cho dấu hiệu của dòng tiền. Do vậy, sự hồi phục dự kiến mang yếu tố kỹ thuật, xu hướng giảm ngắn hạn của HNX-Index chưa kết thúc. Mức hỗ trợ gần nhất của chỉ số này là 60 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp để tránh các rủi ro ngắn hạn trong giai đoạn này.

- VN-Index tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay và đóng cửa ở mức 488.54 điểm, tăng 2.85 điểm (+0.59%) so với phiên trước đó. Mức cao nhất của chỉ số này là 490.36 điểm.

- HNX-Index tăng điểm khá tốt trong phiên hôm nay và duy trì sắc xanh trong suốt phiên giao dịch. HNX-Index đóng cửa ở mức 61.59 điểm, tăng 0.81 điểm (+1.99%) so với phiên trước.

- Lãi suất liên Ngân hàng đầu tuần mới quay đầu tăng nhẹ, từ diễn biến hạ nhiệt vào cuối tuần trước. Lãi suất qua đêm hiện ở mức 5.2%, lãi suất 1 tháng 5.89%, lãi suất 3 tháng 6.07%. NHNN hiện bơm vốn tương đương lượng vốn hút về qua thị trường mở, hiện lượng vốn còn lưu thông trên OMO là hơn 23 nghìn tỷ đồng. Theo tìm hiểu trên thị trường, dòng vốn cung ứng giữa các Ngân hàng không bị hạn chế, tuy nhiên chỉ cung ra với mức lãi suất cao.

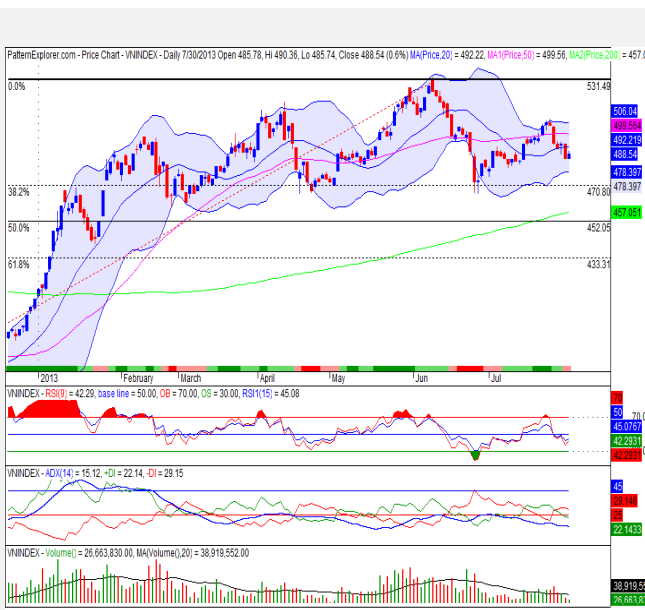
- Lãi suất OMO tăng khá, kết hợp với việc CPI tháng 7 so cùng kỳ tăng lên trên 7% khiến lợi suất đầu thầu trái phiếu Chính phủ tiếp tục diễn biến tăng. Ngày 29/7, KBNN huy động 4,000 tỷ đồng TPCP, chỉ trúng thầu 200 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 2 năm (lãi suất 7.28%/năm, tăng 0.13% so với phiên gần nhất) và 125 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 10 năm (lãi suất 8.9%, bằng lãi suất phiên gần nhất). Khối lượng dự thầu tập trung vào kỳ hạn 2 năm, với 3,590 tỷ đồng/1,000 tỷ đồng đầu thầu, tuy nhiên đa số thành viên chỉ đặt mức lãi suất cao, trong khoảng 8%. Diễn biến này cho thấy các Ngân hàng đánh giá thận trọng với sức ép lạm phát trong thời gian tới.

- Theo NHNN, tính đến 24/7/2013, tín dụng đối với nền kinh tế tăng 4.91%, tăng khá mạnh so với mức 3.31% tính đến ngày 20/6. Số dư tiền gửi tại các TCTD cũng tiếp tục tăng lên 9.48%, từ mức 8.18% vào ngày 20/6, dù lãi suất huy động toàn hệ thống giảm khá mạnh. Để đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 12% trong năm 2013, trong 5 tháng còn lại của năm, mỗi tháng tín dụng phải tăng trưởng bình quân 1.4%.

- Tỷ giá VND/USD hệ thống Ngân hàng và thị trường tự do đã hạ nhiệt đáng kể. Các ngân hàng đã giảm giá bán USD từ mức kịch trần 21,246 đồng xuống 21,230 đồng. Trên thị trường tự do, giá mua USD phổ biến là 21,410 đồng và bán ra 21,430 đồng - mức giá thấp nhất kể từ ngày 1/7. Diễn biến hạ nhiệt của tỷ giá giúp kéo giảm giá vàng trong nước. Hiện chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới còn 4.2 triệu đồng, so với mức 4.5 triệu đồng hôm đầu tuần.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay và đóng cửa ở mức 488.54 điểm, tăng 2.85 điểm (+0.59%) so với phiên trước đó. Mức cao nhất của chỉ số này là 490.36 điểm.

- KLGD tiếp tục sụt giảm so với phiên trước và có chưa đầy 30 triệu cổ phiếu được giao dịch, thị trường đang trong giai đoạn thanh khoản thấp, giao dịch trầm lắng.

- Chỉ báo RSI của chỉ số VN-Index gần về 40 điểm cho thấy tâm lý thị trường đang dịch chuyển nhanh về trạng thái bi quan

Nhận định: Chỉ số Vn-Index tăng điểm mang tính chất hồi phục kỹ thuật, xu hướng giảm vẫn đang chủ đạo trong ngắn hạn. Mức hỗ trợ gần nhất của chỉ số này quanh vùng 475-480 điểm.. Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu để tránh các rủi ro ngắn hạn trong giai đoạn này.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index tăng điểm khá tốt trong phiên hôm nay và duy trì sắc xanh trong suốt phiên giao dịch. HNX-Index đóng cửa ở mức 61.59 điểm, tăng 0.81 điểm (+1.99%) so với phiên trước

- KLGD giảm khá mạnh khi chỉ có hơn 10 triệu cổ phiếu được giao dịch, thanh khoản thị trường cạn kiệt.

- Với phiên giảm điểm hôm nay chỉ số RSI thị trường tăng trở lại quanh mức 40 điểm, tâm lý thị trường bớt bi quan.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index có phiên hồi phục mạnh với một nền tảng điểm đóng cửa cao hơn mức cao nhất của phiên hôm trước. Đây là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên khối lượng giao dịch không ủng hộ mức tăng điểm này cho thấy không có dấu hiệu của dòng tiền và sự hồi phục mang nhiều yếu tố kỹ thuật. Mức hỗ trợ gần nhất của chỉ số này là 60 điểm. Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu trên sàn này để tránh các rủi ro ngắn hạn trong trường hợp thị trường tiếp tục diễn biến xấu.



LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền tiếp tục quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, có KQKD Q2 tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có tăng trưởng lợi nhuận Q2.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có KQKD 6 tháng tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ, 10 cổ phiếu có KQKD 6 tháng đầu năm hoàn thành kế hoạch năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	KMR	6.8	729.3%	2.03	88.0%	16.4%	12,998	110	23.74	0.2	0.64	0.91
2	KLS	26.47	329.6%	77.45	55.0%	#DIV/0!	12,626	244	33.99	0.66	1.85	1.95
3	NDN	5.97	311.7%	6.64	137.1%	53.4%	11,343	988	6.78	0.59	2	8.59
4	HAR	6.91	218.4%	9.28	190.9%	15.9%	10,738	448	32.79	1.37	3.62	4.42
5	SHS	5.45	157.7%	14.15	-54.4%	34.8%	7,882	139	42.39	0.75	0.94	1.82
6	VPH	0.76	136.0%	1.21	175.0%	3.0%	16,124	320	16.88	0.33	0.49	1.68
7	VND	69.88	135.6%	97.16	61.7%	128.3%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
8	KSD	-1.64	88.0%	-2.45	92.6%	-81.7%	6,388	(870)	-1.61	0.22	-9.65	-12.9
9	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.5%	75.1%	14,653	3,415	5.54	1.29	11.07	24.2
10	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.69	1.89	15.92	31.18

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	FCM	9.84	#DIV/0!	21.6	1320.34%	22.5%	10,947	889	12.2	0.99	4.85	11.11
2	HAR	6.91	218.4%	9.28	190.91%	15.9%	10,738	448	32.8	1.37	3.62	4.42
3	VPH	0.76	136.0%	1.21	175.00%	3.0%	16,124	320	16.9	0.33	0.49	1.68
4	NDN	5.97	311.7%	6.64	137.14%	53.4%	11,343	988	6.8	0.59	2.00	8.59
5	KSD	(1.64)	88.0%	-2.45	92.61%	-81.7%	6,388	(870)	-1.6	0.22	(9.65)	(12.90)
6	KMR	6.80	729.3%	2.03	87.96%	16.4%	12,998	110	23.7	0.20	0.64	0.91
7	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.51%	75.1%	14,653	3,415	5.5	1.29	11.07	24.20
8	VND	69.88	135.6%	97.16	61.74%	128.3%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
9	KLS	26.47	329.6%	77.45	54.96%	#DIV/0!	12,626	244	34.0	0.66	1.85	1.95
10	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.08%	81.7%	19,037	4,668	7.7	1.89	15.92	31.18

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	BTP	23.28	-66.0%	70.4	25.11%	130.9%	15,898	2,333	6.5	0.96	6.80	14.42
2	VND	69.88	135.6%	97.16	61.74%	128.3%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
3	PGD	81.44	-71.4%	142.79	-62.74%	110.3%	24,424	(1,605)	-17.5	1.15	(2.96)	(6.77)
4	BVS	21.73	-60.6%	56.34	-14.06%	96.9%	16,363	948	10.9	0.63	4.45	5.97
5	PSI	-1.42	-135.2%	1.84	-56.40%	91.5%	9,920	(26)	-242.3	0.64	(0.15)	(0.26)
6	HBS	0.07	0.0%	0.13	8.33%	86.7%	11,173	7	653.8	0.39	0.06	0.06
7	VIS	4.54	-59.7%	25.74	24.95%	84.9%	13,892	(257)	-40.5	0.75	(0.47)	(1.87)
8	LAS	120.32	-8.1%	269.01	3.43%	82.5%	15,827	5,137	7.0	2.27	16.02	32.80
9	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.08%	81.7%	19,037	4,668	7.7	1.89	15.92	31.18
10	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.51%	75.1%	14,653	3,415	5.5	1.29	11.07	24.20

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

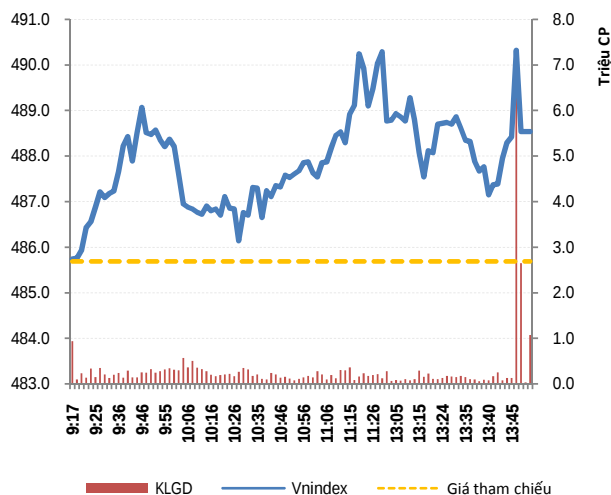
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 30/07/2013.

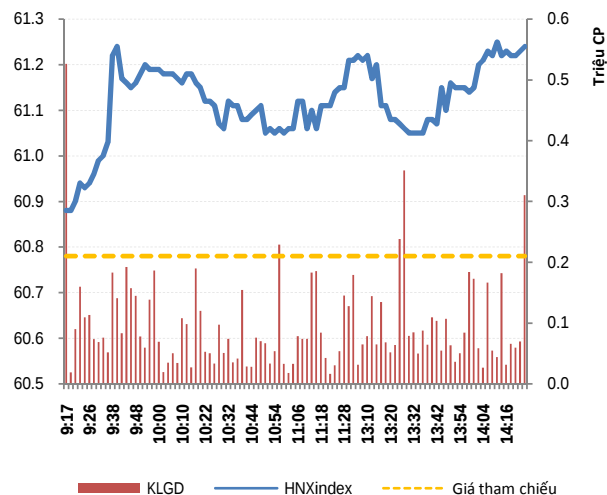


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

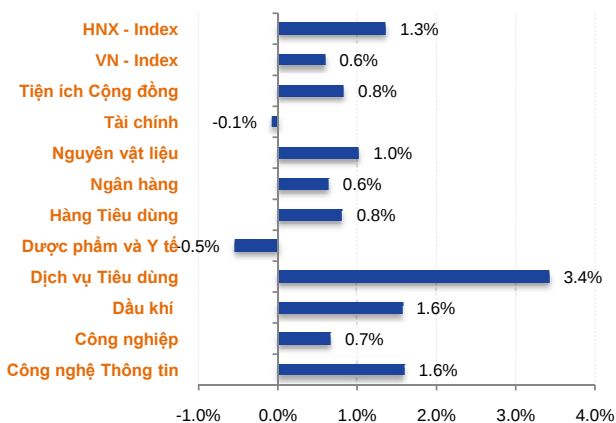
KLGD và VN-Index trong phiên



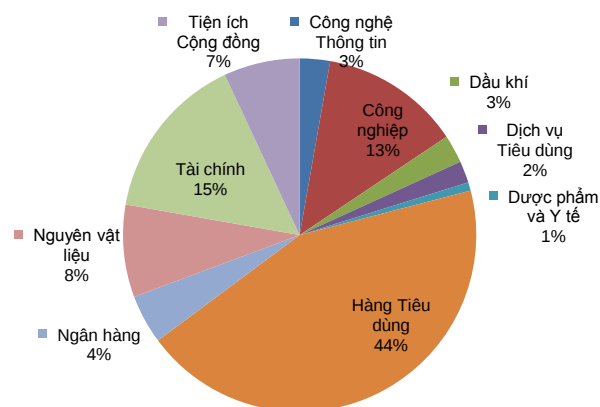
KLGD và HNX-Index trong phiên



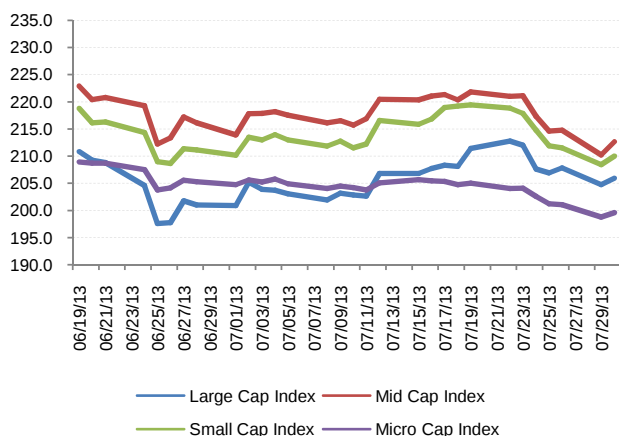
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



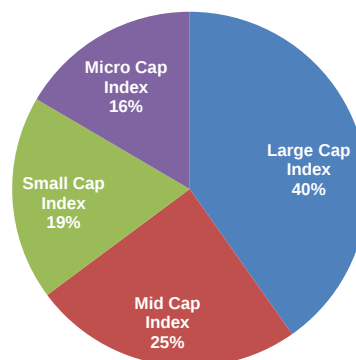
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KDC	544,210	VCF	99,950
2	PET	200,500	FCN	59,720
3	GAS	99,200	NVT	35,000
4	DPM	98,420	TCM	31,600
5	SBT	82,830	HT1	30,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PLC	40,000	APS	23,000
2	SCR	25,000	VTV	10,000
3	PGS	15,100	PPG	7,900
4	PCT	9,700	SDE	7,100
5	KHL	5,000	S74	6,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KDC	48.3	49.3	↑ 2.07%	1,494,549
HQC	5.6	5.5	↓ -1.79%	1,306,760
ITA	5.7	5.8	↑ 1.75%	1,230,640
MSN	88.5	89.0	↑ 0.56%	1,156,250
REE	24.7	25.2	↑ 2.02%	1,000,730

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FIT	12.9	13.3	↑ 3.44%	1,243,300
SHB	6.3	6.4	↑ 1.25%	1,148,187
SCR	6.5	6.6	↑ 1.52%	994,974
PVX	4.4	4.5	↑ 2.25%	950,328
KLS	8.2	8.2	↓ -0.04%	611,347

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNT	1.4	1.5	0.1	↑ 7.14%
RAL	42.2	45.1	2.9	↑ 6.87%
MPC	22.3	23.8	1.5	↑ 6.73%
NKG	9.0	9.6	0.6	↑ 6.67%
TV1	10.6	11.3	0.7	↑ 6.60%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.6	0.7	0.1	↑ 13.33%
LDP	37.7	41.4	3.7	↑ 9.81%
VNT	19.4	21.3	1.9	↑ 9.79%
OCH	18.6	20.4	1.8	↑ 9.68%
ADC	13.1	14.3	1.2	↑ 9.16%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HOT	25.0	23.3	-1.7	↓ -6.80%
HAR	13.7	12.8	-0.9	↓ -6.57%
TCO	10.7	10.0	-0.7	↓ -6.54%
KTB	4.7	4.4	-0.3	↓ -6.38%
KSA	8.1	7.6	-0.5	↓ -6.17%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC1	14.0	12.6	-1.4	↓ -10.00%
PHS	3.2	2.9	-0.3	↓ -9.38%
MIC	13.2	12.0	-1.2	↓ -9.09%
DPC	18.8	17.1	-1.7	↓ -9.04%
HBE	4.5	4.1	-0.4	↓ -8.89%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	1,494,549	9.2%	2,446	20.2	1.8
HQC	1,306,760	2.7%	282	19.5	0.5
ITA	1,230,640	0.2%	30	194.3	0.5
MSN	1,156,250	6.5%	1,466	60.7	3.9
REE	1,000,730	12.9%	2,127	11.8	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FIT	1,243,300	6.4%	792	16.9	1.2
SHB	1,148,187	-2.3%	(266)	-	0.6
SCR	994,974	-0.3%	(41)	-	0.4
PVX	950,328	-34.5%	(2,816)	-	0.8
KLS	611,347	1.9%	244	33.6	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TNT	↑ 7.1%	-2.5%	(297)	-	0.1
RAL	↑ 6.9%	17.0%	7,206	6.3	1.0
MPC	↑ 6.7%	3.0%	647	36.8	1.3
NKG	↑ 6.7%	-31.8%	(3,516)	-	0.9
TV1	↑ 6.6%	11.9%	1,408	8.0	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PSG	↑ 13.3%	-329.5%	(6,986)	-	(2.8)
LDP	↑ 9.8%	28.4%	6,034	6.9	2.0
VNT	↑ 9.8%	27.5%	4,941	4.3	1.2
OCH	↑ 9.7%	9.8%	1,091	18.7	1.8
ADC	↑ 9.2%	26.3%	4,008	3.6	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	544,210	9.2%	2,446	20.2	1.8
PET	200,500	15.1%	2,697	7.9	1.2
GAS	99,200	42.1%	6,141	10.3	3.8
DPM	98,420	30.8%	7,410	5.3	1.5
SBT	82,830	18.6%	2,457	5.5	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PLC	40,000	17.0%	2,704	5.9	0.9
SCR	25,000	-0.3%	(41)	-	0.4
PGS	15,100	24.0%	5,128	3.7	0.9
PCT	9,700	3.4%	358	10.1	0.3
KHL	5,000	-0.8%	(76)	-	0.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	120,333	42.1%	6,141	10.3	3.8
VNM	118,356	40.5%	7,699	18.4	7.0
CTG	63,037	17.2%	2,615	7.4	1.5
VCB	63,034	10.1%	1,804	15.1	1.5
MSN	62,758	6.5%	1,466	60.7	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,744	3.1%	432	37.0	1.2
SQC	8,602	5.9%	726	107.8	6.3
PVS	7,192	18.6%	3,133	5.1	1.0
SHB	5,671	-2.3%	(266)	-	0.6
VCG	4,638	2.3%	267	39.3	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.35	-12.5%	(1,768)	-	0.5
VOS	2.26	-5.4%	(528)	-	0.3
ITA	2.23	0.2%	30	194.3	0.5
OGC	2.10	0.6%	69	134.6	0.8
TLH	2.09	18.3%	2,506	2.4	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	3.19	-34.5%	(2,816)	-	0.8
PVL	3.06	-4.9%	(526)	-	0.3
PFL	2.91	-5.2%	(526)	-	0.2
PVV	2.86	-26.1%	(2,486)	-	0.3
PVA	2.80	-75.1%	(6,080)	-	0.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)